

Số: /BC-SKHCN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả giải ngân kinh phí lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025 và phương hướng triển khai thực hiện năm 2026

Kính gửi:

- Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai (Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị);
- UBND tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 8806/UBND-KGVX ngày 03/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu giải ngân kinh phí ngành khoa học và công nghệ theo Kế hoạch 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy.

Ngày 14/12/2025, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Văn bản số 4232/SKHCN-KHTC về việc báo cáo kết quả giải ngân kinh phí lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025 (cả năm), trong đó đề nghị các Sở, ban, ngành và địa phương báo cáo số liệu về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/12/2025. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai (Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị) và UBND tỉnh cụ thể như sau:

I. Kết quả giải ngân kinh phí lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS năm 2025

Trong năm 2025, tổng dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST và CDS) được giao là **1.024** tỷ đồng (bao gồm **409** tỷ đồng chi thường xuyên và **615** tỷ đồng chi đầu tư phát triển). Tính đến ngày 30/12/2025, tổng số vốn đã giải ngân là **762** tỷ đồng, đạt 74% tổng dự toán được giao (*Phụ lục I Bảng tổng hợp chung; Phụ lục II Chi thường xuyên các Sở, ngành; Phụ lục III Chi thường xuyên các địa phương; Phụ lục IV Chi đầu tư công; Phụ lục V Các đơn vị chưa báo cáo*), Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo, cụ thể như sau:

1. Chi thường xuyên:

Tổng kinh phí giải ngân chi thường xuyên của tỉnh (bao gồm các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường) là 171 tỷ/409 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 42%, trong đó:

a) Chi thường xuyên các Sở ngành: 135 tỷ/358 tỷ đồng, đạt 38% dự toán đã phân bổ, cụ thể:

- Sở Khoa học và Công nghệ: 106 tỷ/297 tỷ đồng, đạt 35,5% (bao gồm phần dự toán chi thường xuyên được bổ sung trong tháng 11/2025 để triển khai Dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống họp trực tuyến tại Đảng ủy và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với tổng kinh phí 118 tỷ đồng);

- Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học: 3,4 tỷ/6,4 tỷ đồng, đạt 53%;

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh: 6 tỷ/8 tỷ đồng, đạt 76%;

- Công an tỉnh: 5,5 tỷ/5,7 tỷ đồng, đạt 96%;

- Tỉnh đoàn: 0/1,3 tỷ, đạt 0%;

- Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai: 18/51 triệu đồng, đạt 35%;

- Ban Quản lý các khu công nghệ cao công nghệ sinh học: 0/97 triệu đồng, đạt 0%;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: đã thu hồi dự toán 9,3 tỷ đồng;

- Sở Y tế: 13 tỷ/13 tỷ đồng, đạt 100% (bao gồm đã thu hồi dự toán tổng 26 tỷ trong năm 2025)

- Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai: 51 triệu/52 triệu đồng, đạt 98,5%;

- Trường Đại học Đồng Nai: 0,214/20 tỷ đồng, đạt 1%.

- Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai: 0/4 tỷ, đạt 0%;

- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh: 491 triệu/500 triệu đồng, đạt 98%;

- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: 0/498 triệu đồng, đạt 0%;

b) Chi thường xuyên các phường xã

Được phân bổ dự toán từ Chi nhiệm vụ Khoa học công nghệ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và kinh phí do địa phương tự cân đối với tổng dự toán là 51,3 tỷ đồng, tính đến 31/12/2025 các địa phương đã giải ngân tổng kinh phí là 36,3 tỷ/51,2 tỷ đồng, đạt 71% so với dự toán được giao

2. Chi đầu tư phát triển (chi đầu tư công):

Tổng kinh phí giải ngân chi đầu tư phát triển (chi đầu tư công) lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS là 590 tỷ/615 tỷ đồng, đạt 96% dự toán đã phân bổ, cụ thể:

- Văn phòng Tỉnh ủy: 10 tỷ/10 tỷ đạt 100%.

- Công an tỉnh: 392 tỷ/392 tỷ đạt 100%.

- Sở Công thương: 38 triệu/2,3 tỷ đạt 2%.
- Sở Tài chính: 5 tỷ/5 tỷ đạt 100%.
- Sở Khoa học và Công nghệ: 180,8 tỷ/200,9 tỷ đạt 90%.
- Sở Tư pháp: 149,6 triệu/150 triệu đồng đạt 100%
- Sở Xây dựng: 1,9 tỷ/3,7 tỷ đạt 51%.
- Sở Y tế: 0/224 triệu đồng đạt 0%

3. Tổng kinh phí chưa giải ngân trong năm 2025: 262 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên 237 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển 25 tỷ đồng

(Bảng Phụ lục kèm theo)

II. Nhận xét

Qua tổng hợp kết quả giải ngân lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ có nhận xét như sau:

1. Về chi thường xuyên

a) Đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Kết quả giải ngân chi thường xuyên lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS còn ở mức thấp. Tổng số đã giải ngân của các Sở, ban, ngành là 135 tỷ/358 tỷ đồng, đạt 38% dự toán được phân bổ. Tỷ lệ giải ngân thấp chủ yếu do trong những tháng cuối năm (tháng 10, tháng 11), nhiều đơn vị đề xuất bổ sung dự toán cho các nhiệm vụ phát sinh, cụ thể: Sở Khoa học và Công nghệ bổ sung 118 tỷ đồng; Trường Đại học Đồng Nai bổ sung 20 tỷ đồng; Trường Chính trị tỉnh bổ sung 4 tỷ đồng. Việc bổ sung kinh phí này làm tổng dự toán chi thường xuyên tính đến tháng 11/2025 tăng thêm khoảng 142 tỷ đồng, tương ứng tăng 42,7% so với dự toán giao trước tháng 10. Việc tăng dự toán vào thời điểm cuối năm dẫn đến khó khăn trong tổ chức giải ngân do thời gian thực hiện ngắn, các đơn vị phải hoàn thiện đầy đủ thủ tục và quy trình theo quy định để triển khai nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số đơn vị chưa triển khai nhiệm vụ được giao, dẫn đến chưa giải ngân phần kinh phí tương ứng, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung của tỉnh.

b) Đối với UBND các xã, phường

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng kinh phí giải ngân lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS của UBND các xã, phường đạt 36,3 tỷ/51,2 tỷ đồng, tương đương 71% dự toán được giao. Một số địa phương chưa quan tâm, chỉ đạo kịp thời việc tổng hợp, báo cáo kết quả giải ngân định kỳ hằng tháng và cuối năm theo quy định, dẫn đến Sở Khoa học và Công nghệ chưa kịp thời nắm bắt đầy đủ tình hình, theo

đổi sát tiến độ giải ngân theo từng tháng, từng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo yêu cầu (*Phụ lục kèm theo*)¹.

2. Về chi đầu tư công

Trong năm 2025, toàn tỉnh có 08 đơn vị triển khai 12 dự án đầu tư phát triển (đầu tư công) thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với tổng kinh phí sau điều chỉnh là 615 tỷ đồng. Trong đó, Công an tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ là hai đơn vị chủ lực, triển khai 03 dự án với tổng kinh phí 592 tỷ đồng (chiếm khoảng 96% tổng dự toán); 06 đơn vị còn lại triển khai 08 dự án với tổng kinh phí 23 tỷ đồng (chiếm 4%), một số đơn vị vẫn còn hạn chế trong công tác xây dựng, đề xuất dự án chuyên ngành thuộc lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS; số lượng và quy mô dự án chưa đáp ứng yêu cầu, mức độ chủ động trong triển khai nhiệm vụ còn thấp.

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng giá trị giải ngân đạt 590 tỷ/615 tỷ đồng, tương đương 96% dự toán đã được phân bổ. Trong giai đoạn nước rút cuối năm, các đơn vị đã quán triệt tinh thần khẩn trương, quyết liệt, tập trung tối đa nguồn lực, tăng cường chỉ đạo điều hành, bám sát tiến độ từng dự án; kịp thời rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và triển khai thực hiện. Kết quả, đã hoàn thành kế hoạch giải ngân đầu tư công lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vượt chỉ tiêu được giao (90%).

III. Việc phân bổ kinh phí lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS năm 2026

Công tác lập dự toán và xây dựng danh mục nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã đã có những chuyển biến tích cực, rõ nét. Tỷ lệ bố trí kinh phí cho lĩnh vực khoa học và công nghệ tăng từ mức bình quân khoảng 0,3% trong giai đoạn 2021 - 2024 (trung bình khoảng 120 tỷ/năm) lên 1.024 tỷ, tương ứng tỷ lệ 1,46% năm 2025.

Trên cơ sở này, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì hướng dẫn, tổng hợp các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ dự toán kinh phí năm 2026. Trên cơ sở đề xuất và báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Chính phủ đã ban hành Quyết định giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho tỉnh Đồng Nai², theo đó dự toán chi ngân sách địa phương lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS tỉnh Đồng Nai là 1.659 tỷ/58.778 tỷ đồng, tương ứng 2,82% tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026; qua đó, **tỉnh Đồng Nai xếp thứ 4 toàn quốc** về phân bổ kinh phí lĩnh vực

¹ Tổng cộng có 23 xã, phường và 01 đơn vị cấp tỉnh chưa kịp thời gửi Báo cáo kết quả thực hiện năm 2025 về Sở Khoa học và Công nghệ

² Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các địa phương.

KHCN, ĐMST & CDS sau Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hà Nội.

Kết quả này thể hiện rõ hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ưu tiên nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, đây là cơ sở quan trọng để các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ, dự án theo đúng mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(Đính kèm Phụ lục dự toán chi ngân sách địa phương lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các địa phương trên toàn quốc)

IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2026

Để thực hiện tốt mục tiêu giải ngân kinh phí lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, cụ thể:

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan lập kế hoạch tổ chức kiểm tra, hướng dẫn thực hiện dự toán kinh phí sự nghiệp KHCN, ĐMST & CDS năm 2026 tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm kiểm tra, đánh giá việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí này tại 95 xã, phường trong năm 2026; kịp thời hướng dẫn, chấn chỉnh các tồn tại, sai sót; nắm bắt khó khăn, vướng mắc từ cơ sở để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và đề xuất giải pháp tháo gỡ; qua đó nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan trong quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính nhà nước.

2. Giao các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường đã đăng ký nhiệm vụ, lập dự toán đầu tư phát triển lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS giai đoạn 2026 - 2030³, khẩn trương triển khai các quy trình, thủ tục đầu tư công theo quy định⁴; trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư⁵, nhằm kịp thời trình HĐND các cấp quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của

³ Tổng kinh phí đăng ký nhiệm vụ chi đầu tư phát triển các Sở ban ngành trong năm 2026 là 936 tỷ đồng theo Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ

⁴ Dự án Nhóm B: Dự án thuộc lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, môi trường, công nghệ số có tổng mức đầu tư từ 90 tỷ đồng đến dưới 1.600 tỷ đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 10 Luật đầu tư công 2025, được sửa đổi bổ sung Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội.

- Dự án nhóm C: Dự án thuộc lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, môi trường, công nghệ số có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 11 Luật đầu tư công 2025, được sửa đổi bổ sung Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội.

⁵ UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư các Dự án nhóm B, nhóm C theo quy định tại khoản 7, khoản 9 Điều 18 Luật đầu tư công về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình Dự án.

địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương bảo đảm đúng thời gian, trình tự, thủ tục theo Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đề nghị các Sở, ban, ngành và địa phương nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ báo cáo kết quả giải ngân kinh phí lĩnh vực KH-CN, ĐMST & CDS theo chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, báo cáo đột xuất và báo cáo cuối năm theo quy định. Việc báo cáo không chỉ nhằm phục vụ công tác theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương, mà còn là căn cứ quan trọng để Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ hằng tháng theo quy định.

3. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan; phát huy vai trò chủ động của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ trong triển khai nhiệm vụ; qua đó huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trên đây là báo cáo kết quả giải ngân kinh phí lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026. Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai (Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị) và UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trường Chính trị Đồng Nai;
- Sở Tài chính (theo dõi);
- Sở Nội vụ (theo dõi);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật;
- Trường Đại học Đồng Nai và Trường Cao đẳng y tế Đồng Nai;
- Tỉnh đoàn;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Hưng).

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Trinh

PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI NGÂN VỐN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí bố trí	Bố trí đầu năm	Điều chỉnh/ bổ sung trong năm	Tổng giải ngân	Tỷ lệ %
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	
	TỔNG CỘNG (A+B)	1.025.132	1.024.916	216	762.304	74%
A	TỔNG CỘNG CHI THƯỜNG XUYÊN	409.728	302.437	107.291	171.615	42%
I	TỔNG SỞ NGÀNH	358.377	251.086	107.291	135.221	38%
II	TỔNG XÃ PHƯỜNG	51.351	51.351		36.395	71%
	Nguồn tỉnh cấp triển khai kế hoạch 65/KH	42.750				
	Địa phương tự bố trí	8.601				
B	CHI ĐẦU TƯ	615.404	722.479	(107.075)	590.688	96%

PHỤ LỤC II

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN CHI THUỜNG XUYÊN NĂM 2025
NGUỒN SỰ NGHIỆP KHCN, ĐMST VÀ CDS CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí bố trí	Dự toán phân bổ đầu năm	Dự toán bổ sung (NQ 57);Thu hồi	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ	Ghi chú
		1=2+3	2	3	4	5=4/1*%	
	SỞ NGÀNH, ĐƠN VỊ	358.377	251.086	107.291	135.221	37,7%	
1	Sở Khoa học và Công nghệ	297.994	179.994	118.000	105.930	35,5%	
2	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	6.444	6.444		3.440	53%	
3	Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật	8.001	8.001		6.089	76%	
4	Công an tỉnh	5.769	5.769	-	5.544	96%	
5	Tỉnh đoàn	1.308	1.308	0	0	0%	Không báo cáo
6	Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai	51	51	0	18	35%	
7	Ban Quản lý các khu công nghệ cao công nghệ sinh học	97	97	0	0	0%	
8	Sở Nông nghiệp và môi trường	0	9.232	(9.232)	0	0	
9	Sở Y tế	13.443	39.420	(25.977)	13.442	100%	
10	Trường Cao đẳng y tế Đồng Nai	52	52	0	51	99%	
11	Trường Đại học Đồng Nai	20.220	220	20.000	214	1%	
12	Trường Chính trị	4.000	-	4.000	0	0%	
13	Trung tâm phục vụ Hành chính công	500	0	500	491	98%	
14	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam	498	498		0	0%	

PHỤ LỤC III

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KINH PHÍ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG
TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025**

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng	Tỉnh bố trí Kế hoạch 65/KH	Địa phương bố trí		Tổng giải ngân	Kết quả giải ngân		Tỷ lệ
				KHCN, ĐMST	CĐS		KHCN, ĐMST	CĐS	
		1=2+3+4	2	3	4	5=6+7	6	7	
II	TỔNG XÃ PHƯỜNG	51.351	42.750	3.149	5.452	36.395	4.787	31.608	71%
1	Phường An Lộc	450	450			150		150	33%
2	Phường Biên Hoà	450	450			152,6		152,6	34%
3	Phường Trần Biên	450	450			367,3		367,3	82%
4	Phường Trảng Dài	450	450			449,4		449,4	100%
5	Phường Long Bình	450	450			450		450	100%
6	Phường Tam Hiệp	450	450			450		450	100%
7	Phường Hồ Nai	450	450			0			0%
8	Phường Long Hưng	450	450			431,41		431,41	96%
9	Phường Phước Tân	450	450			450		450	100%
10	Phường Tam Phước	450	450			0			0%
11	Phường Bình Lộc	450	450			0			0%
12	Phường Long Khánh	450	450			0			0%
13	Phường Xuân Lập	450	450			0			0%
14	Phường Đồng Xoài	540	450		90	540		540	100%
15	Phường Tân Triều	450	450			0			0%
16	Phường Bình Phước	450	450			450		450	100%
17	Phường Hàng Gòn	450	450			0			0%
18	Phường Minh Hưng	1411	450		961	108,7		108,7	8%
19	Phường Chơn Thành	450	450			448		448	100%
20	Phường Bảo Vinh	450	450			450		450	100%
21	Phường Bình Long	592	450	142		515,9	141,9	374	87%
22	Phường Phước Bình	450	450			450		450	100%
23	Phường Phước Long	450	450			450		450	100%
24	Xã Nha Bích	450	450			431		431	96%
25	Xã Lộc Thạnh	450	450			450	0	450	100%
26	Xã Thuận Lợi	450	450			0			0%
27	Xã Lộc Tấn	450	450			430,302		430,3	96%
28	Xã Dầu Giây	450	450			0			0%
29	Xã Phú Trung	450	450			450		450	100%

30	Xã Gia Kiệm	450	450			450		450	100%
31	Xã Bình Tân	450	450			0			0%
32	Xã Đồng Phú	450	450			0			0%
33	Xã Đăk Ô	450	450			450		450	100%
34	Xã An Viễn	450	450			450		450	100%
35	Xã Long Phước	450	450			450		450	100%
36	Xã Tân An	450	450	0		450		450	100%
37	Xã An Phước	450	450			0			0%
38	Xã Bàu Hàm	450	450			450		450	100%
39	Xã Bình An	450	450			0			0%
40	Xã Bình Minh	450	450			440,06		440,06	98%
41	Xã Bom Bo	450	450			0			0%
42	Xã Bù Đăng	450	450			0			0%
43	Xã Bù Gia Mập	2591	450		2141	2591		2591	100%
44	Xã Cẩm Mỹ	450	450			440,5		440,5	98%
45	Xã Nam Cát Tiên	450	450			449,35		449,35	100%
46	Xã Đa Kia	450	450			450		450	100%
47	Xã Đak Lua	450	450			0		0	0%
48	Xã Đại Phước	450	450			450		450	100%
49	Xã Đak Nhau	450	450			450		450	100%
50	Xã Định Quán	450	450			411,5		411,5	91%
51	Xã Đồng Tâm	450	450			450		450	100%
52	Xã Hưng Phước	450	450			448		448	100%
53	Xã Hưng Thịnh	450	450			427		427	95%
54	Xã La Ngà	450	450			364		364	81%
55	Xã Lộc Hưng	450	450			0			0%
56	Xã Lộc Ninh	450	450			450		450	100%
57	Xã Lộc Quang	450	450			0			0%
58	Xã Lộc Thành	450	450			450		450	100%
59	Xã Long Hà	700	450	100	150	683,96	90	593,96	98%
60	Xã Long Thành	450	450			446,9		446,9	99%
61	Xã Minh Đức	2265	450		1815	2265	1815	450	100%
62	Xã Nghĩa Trung	467	450	17		450		450	96%
63	Xã Nhơn Trạch	450	450			0			0%
64	Xã Phú Hoà	450	450			450		450	100%
65	Xã Phú Lâm	450	450			0			0%
66	Xã Phú Lý	450	450			0			0%
67	Xã Phú Nghĩa	450	450			450		450	100%
68	Xã Phú Riêng	450	450			450		450	100%
69	Xã Phú Vinh	450	450			429		429	95%
70	Xã Phước An	450	450			450		450	100%
71	Xã Phước Sơn	450	450			432		432	96%
72	Xã Phước Thái	900	450	450		240	240		27%
73	Xã Sông Ray	2100	450	1650		1815	1815		86%
74	Xã Tà Lài	450	450			448		448	100%
75	Xã Tân Hưng	450	450			450		450	100%
76	Xã Tân Khai	555	450	105		0			0%

77	Xã Tân Lợi	745	450		295	745		745	100%
78	Xã Tân Phú	450	450			450		450	100%
79	Xã Tân Quan	450	450			440,67		440,67	98%
80	Xã Tân Tiến	450	450			450		450	100%
81	Xã Thanh Sơn	450	450			0			0%
82	Xã Thiện Hưng	450	450			450		450	100%
83	Xã Thọ Sơn	450	450			450		450	100%
84	Xã Thống Nhất	450	450			0			0%
85	Xã Trảng Bom	450	450			449		449	100%
86	Xã Trị An	450	450			450		450	100%
87	Xã Xuân Bắc	1035	450	585		1034	585	449,3	100%
88	Xã Xuân Định	450	450			450		450	100%
89	Xã Xuân Đông	450	450			450		450	100%
90	Xã Xuân Đường	450	450			0			0%
91	Xã Xuân Hòa	450	450			450		450	100%
92	Xã Xuân Lộc	550	450	100		549,7	100	449,7	100%
93	Xã Xuân Phú	450	450			450		450	100%
94	Xã Xuân Quế	450	450			450		450	100%
95	Xã Xuân Thành	450	450			170		170	38%

PHỤ LỤC IV

CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 2025	Điều chỉnh Vốn KH 2025	Vốn sau điều chỉnh	Giải ngân 2025	Tỷ lệ %
		Tổng số				
1	TỔNG CỘNG	722.479	(107.075)	615.404	590.688	96%
1	Công an tỉnh	392.756	0	392.756	392.756	100%
1.1	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự	377.756	0	377.756	377.756	100%
1.2	Dự án Đầu tư Hệ thống bộ đàm kỹ thuật số trên phạm vi toàn tỉnh	15.000	0	15.000	15.000	100%
2	Sở Công thương	2.343		2.343	38	2%
2.1	Dự án Nâng cấp Hạ tầng Công nghệ thông tin của Sở Công Thương (hoàn vốn ứng trước)	2.343	0	2.343	38	2%
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)	5.306		5.306	5.006	94%
3.1	Dự án Xây dựng phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	5.006	0	5.006	5.006	100%
3.2	Hệ thống thông tin ngành kế hoạch và đầu tư giai đoạn 1 (trừ lĩnh vực đầu tư công) (kể cả hoàn vốn ứng trước)	300	0	300		
4	Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ)	308.000	(107.075)	200.925	180.839	90%
4.1	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2023-2028.	108.000	(107.075)	925	739	79.8%
4.2	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	200.000		200.000	180.100	90%
5	Sở Tư pháp	150		150	149.6	100%
5.1	Dự án Xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Đồng Nai	150	0	150	149.6	100%
6	Sở Xây dựng	3.700		3.700	1.900	51%
6.1	Dự án Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh	3.700		3.700	1.900	51%

7	Sở Y tế	224		224	0	
7.1	Dự án Đầu tư thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế Đồng Nai	100		100	0	0%
7.2	Dự án Triển khai hệ thống Tư vấn khám chữa bệnh từ xa	124		124	0	0%
8	Văn phòng Tỉnh ủy	10.000		10.000	10.000	100%
8.1	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Nai	10.000		10.000	10.000	100%

PHỤ LỤC V
DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHƯA BÁO CÁO GIẢI NGÂN

TT	Đơn vị	Tổng	Tinh bố trí (CDS)	Địa phương bố trí		Tổng giải ngân	GIẢI NGÂN		Tỷ lệ
				KHCN, ĐMST	CDS		KHCN, ĐMST	CDS	
I	TỔNG XÃ PHƯỜNG	10.905	10.800	105	0	0			0%
1	Phường Hồ Nai	450	450			0			0%
2	Phường Tam Phước	450	450			0			0%
3	Phường Bình Lộc	450	450			0			0%
4	Phường Long Khánh	450	450			0			0%
5	Phường Xuân Lập	450	450			0			0%
6	Phường Tân Triều	450	450			0			0%
7	Phường Hàng Gòn	450	450			0			0%
8	Xã Thuận Lợi	450	450			0			0%
9	Xã Dầu Giây	450	450			0			0%
10	Xã Bình Tân	450	450			0			0%
11	Xã Đồng Phú	450	450			0			0%
12	Xã An Phước	450	450			0			0%
13	Xã Bình An	450	450			0			0%
14	Xã Bom Bo	450	450			0			0%
15	Xã Bù Đăng	450	450			0			0%
16	Xã Lộc Hưng	450	450			0			0%
17	Xã Lộc Quang	450	450			0			0%
18	Xã Nhơn Trạch	450	450			0			0%
19	Xã Phú Lâm	450	450			0			0%
20	Xã Phú Lý	450	450			0			0%
21	Xã Tân Khai	555	450	105		0			0%
22	Xã Thống Nhất	450	450			0			0%
23	Xã Xuân Đường	450	450			0			0%
II	CÁC SỞ NGÀNH								
1	Tỉnh Đoàn	1.308	1.308			0			0%